

Cà Mau, ngày 21 tháng 7 năm 2026

BẢNG CÔNG BỐ
THÔNG TIN NỘI KIỂM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÀNH PHẨM
THÁNG 7/ 2026

1. Khu vực các phường, tỉnh Cà Mau

- Tổng số trạm: 21 trạm.
- Tổng số mẫu thử nghiệm (hóa lý và vi sinh): **27** mẫu/ tháng, trong đó:
 - + Số mẫu đầu mạng (nguồn): 21 mẫu;
 - + Số mẫu mạng phân phối: 03 mẫu (03 mẫu giữa mạng phân phối, 03 mẫu cuối mạng phân phối).
- Tổng số chỉ tiêu thử nghiệm: 10 chỉ tiêu nhóm A theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT).
- Tổng số chỉ tiêu chưa đạt: 00 chỉ tiêu.

2. Khu vực các xã, tỉnh Cà Mau

- Tổng số mẫu thử nghiệm (hóa lý và vi sinh): **54** mẫu/ tháng, trong đó:
 - + Số mẫu đầu mạng (nguồn): 26 mẫu;
 - + Số mẫu mạng phân phối: 28 mẫu (13 mẫu giữa mạng phân phối, 15 mẫu cuối mạng phân phối).
- Tổng số chỉ tiêu thử nghiệm: 10 chỉ tiêu nhóm A theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT).
- Tổng số chỉ tiêu chưa đạt: 00 chỉ tiêu.

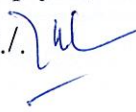


STT	Đơn vị quản lý trực tiếp	Khu vực lấy mẫu thử nghiệm	Số mẫu/ tháng		Kết quả hóa lý		Kết quả vi sinh		Ghi chú
			Hóa lý	Vi sinh	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
1	XNCN CM 1	Các trạm lẻ, nhà máy	13	13	13	0	13	0	
2	XNCN CM 2	Các trạm lẻ, nhà máy	14	14	14	0	14	0	
3	XNCN & MT Năm Căn	Trạm Năm Căn Trạm Hàng Vĩnh	4	4	4	0	4	0	
4	CNCN Cái Đôi Vàm	Trạm bờ Nam Trạm bờ Bắc	4	4	4	0	4	0	
		<i>Trạm Việt Thắng</i>	2	2	2	0	2	0	Q < 1.000 m ³ /ngày.đêm
5	CNCN Sông Đốc	Trạm bờ Bắc Trạm bơm số 1	4	4	4	0	4	0	
		Trạm bờ Nam	3	3	3	0	3	0	
6	CNCN Trần Văn Thời	Trạm bơm số 2 Trạm bơm số 3	4	4	4	0	4	0	
7	CNCN Cái Nước	Trạm bơm số 1 Trạm bơm số 2	4	4	4	0	4	0	
8	CNCN Đầm Dơi	Trạm bơm số 1 Trạm bơm số 2 Trạm bơm số 3	5	5	5	0	5	0	
		<i>Trạm Quách Phẩm</i>	2	2	2	0	2	0	Q < 1.000 m ³ /ngày.đêm
9	CNCN Khánh An	Trạm Khánh An	3	3	3	0	3	0	
		Trạm U Minh	3	3	3	0	3	0	
		Trạm Khánh Hội	3	3	3	0	3	0	



STT	Đơn vị quản lý trực tiếp	Khu vực lấy mẫu thử nghiệm	Số mẫu/ tháng		Kết quả hóa lý		Kết quả vi sinh		Ghi chú
			Hóa lý	Vi sinh	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
10	CNCN Phan Ngọc Hiến	Trạm bơm số 2 Trạm bơm số 3 Trạm Tân Ân	5	5	5	0	5	0	
11	CNCN Thới Bình	Trạm bơm số 1	5	5	5	0	5	0	
		Trạm bơm số 2							
		Trạm Khóm 4							
		Trạm Trí Phải	3	3	3	0	3	0	
Tổng Cộng			81	81	81	0	81	0	
Tỉ lệ (%)					100	0	100	0	

Kết luận:

Chất lượng nước tại khu vực các phường, xã của tỉnh Cà Mau thuộc hệ thống cấp nước do Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau đang quản lý được kiểm soát, giám sát chặt chẽ theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT)./. 



TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Phước Tài



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM
THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN



Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau
Điện thoại: 02903 836 360 - 02903 836 723 - Fax: 0290 383 6723 - Email: ctycapnuoccamau@yahoo.com
Website: <http://ctncamau.com.vn/>

DANH SÁCH MẪU NƯỚC THÀNH PHẨM
THÁNG 7 NĂM 2026

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
1	CM1/07.2026	1	Đầu mạng Trạm 1	26.ĐK.0476	6/7	Tủ mát
2		2	Đầu mạng Trạm 2	26.ĐK.0477	6/7	Tủ mát
3		3	Đầu mạng Trạm 20	26.ĐK.0478	6/7	Tủ mát
4		4	Đầu mạng Trạm 23	26.ĐK.0479	6/7	Tủ mát
5		5	Đầu mạng Trạm 24	26.ĐK.0480	6/7	Tủ mát
6		6	Đầu mạng Trạm 27	26.ĐK.0481	6/7	Tủ mát
7		7	Đầu mạng Trạm 30	26.ĐK.0482	6/7	Tủ mát
8		8	Đầu mạng Nhà máy số 1	26.ĐK.0483	6/7	Tủ mát
9		9	Đầu mạng Trạm 18	26.ĐK.0484	6/7	Tủ mát
10		10	Đầu mạng Trạm Tắc Vân	26.ĐK.0485	6/7	Tủ mát
11		11	16A đường Âu Cơ, P. Tân Thành (giữa mạng)	26.ĐK.0486	6/7	Tủ mát
12		12	23 đường Lý Thường Kiệt, P. Tân Thành (giữa mạng)	26.ĐK.0487	6/7	Tủ mát
13		13	234 QL1A, khóm Cây Trâm, P. Tân Thành (cuối mạng)	26.ĐK.0488	6/7	Tủ mát
14	CM2/07.2026	1	Đầu mạng Trạm 15	26.ĐK.0489	6/7	Tủ mát
15		2	Đầu mạng Trạm 21	26.ĐK.0490	6/7	Tủ mát
16		3	Đầu mạng Trạm 26	26.ĐK.0491	6/7	Tủ mát
17		4	Đầu mạng Trạm 29	26.ĐK.0492	6/7	Tủ mát
18		5	Đầu mạng Trạm 4	26.ĐK.0493	6/7	Tủ mát
19		6	Đầu mạng Trạm 12	26.ĐK.0494	6/7	Tủ mát
20		7	Đầu mạng Nhà Máy số 2	26.ĐK.0495	6/7	Tủ mát
21		8	Đầu mạng Trạm 16	26.ĐK.0496	6/7	Tủ mát
22		9	Đầu mạng Trạm 25	26.ĐK.0497	6/7	Tủ mát
23		10	Đầu mạng Trạm 22	26.ĐK.0498	6/7	Tủ mát
24		11	Đầu mạng Trạm 31	26.ĐK.0499	6/7	Tủ mát



STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
25	CM2/07.2026	12	44 đường N13, Khu ĐT Bạch Đằng, P. LVL (cuối mạng)	26.ĐK.0500	6/7	Tủ mát
26		13	75/8 đường Lâm Thành Mậu, P. An Xuyên (giữa mạng)	26.ĐK.0501	6/7	Tủ mát
27		14	129 đường Lê Đức Thọ - Khu P.Tân Xuyên cũ, khóm 23, P. An Xuyên (cuối mạng)	26.ĐK.0502	6/7	Tủ mát
28	NC/07.2026	1	Đầu mạng Trạm Năm Căn	26.ĐK.0503	7/7	Tủ mát
29		2	Đầu mạng Trạm Hàng Vịnh	26.ĐK.0504	7/7	Tủ mát
30		3	Lê Thị Hằng, Ấp 1, xã Năm Căn (giữa mạng)	26.ĐK.0505	7/7	Tủ mát
31		4	Trịnh Ngọc Sơn, ấp Cái Nảy, khóm Hàng Vịnh, xã Năm Căn (cuối mạng)	26.ĐK.0506	7/7	Tủ mát
32	CĐV/07.2026	1	Đầu mạng Trạm Bờ Bắc Cái Đôi Vàm	26.ĐK.0507	7/7	Tủ mát
33		2	Đầu mạng Trạm Bờ Nam Cái Đôi Vàm	26.ĐK.0508	7/7	Tủ mát
34		3	Đỗ Thị Tiếp, đường Trần Văn Thời, ấp 7, xã Cái Đôi Vàm (giữa mạng)	26.ĐK.0509	7/7	Tủ mát
35		4	Trần Tấn Phong, đường Lý Văn Lâm, ấp 1, xã Cái Đôi Vàm (cuối mạng)	26.ĐK.0510	7/7	Tủ mát
36	SĐ/07.2026	1	Đầu mạng Trạm 1 - Sông Đốc	26.ĐK.0511	8/7	Tủ mát
37		2	Đầu mạng Trạm Bờ Bắc Sông Đốc	26.ĐK.0512	8/7	Tủ mát
38		3	Đầu mạng Trạm Bờ Nam Sông Đốc	26.ĐK.0513	8/7	Tủ mát
39		4	Cao Thị Là, ấp 11, xã Sông Đốc (giữa mạng Bờ Bắc)	26.ĐK.0514	8/7	Tủ mát
40		5	Nguyễn Quốc Hận, ấp 12, xã Sông Đốc (cuối mạng Bờ Bắc)	26.ĐK.0515	8/7	Tủ mát
41		6	Võ Trung Kỳ, ấp 1, xã Sông Đốc (giữa mạng Bờ Nam)	26.ĐK.0516	8/7	Tủ mát
42		7	Nguyễn Thị Thanh, ấp 5, xã Sông Đốc (cuối mạng Bờ Nam)	26.ĐK.0517	8/7	Tủ mát
43	TVT/07.2026	1	Đầu mạng Trạm 2 - Trần Văn Thời	26.ĐK.0518	8/7	Tủ mát
44		2	Đầu mạng Trạm 3 - Trần Văn Thời	26.ĐK.0519	8/7	Tủ mát
45		3	Nguyễn Thanh Tùng, đường Nguyễn Ngọc Sanh, xã Trần Văn Thời (giữa mạng)	26.ĐK.0520	8/7	Tủ mát
46		4	Nguyễn Hữu Tự, đường Huỳnh Phi Hùng, xã Trần Văn Thời (cuối mạng)	26.ĐK.0521	8/7	Tủ mát
47	CN/07.2026	1	Đầu mạng Trạm 1 - Cái Nước	26.ĐK.0522	8/7	Tủ mát
48		2	Đầu mạng Trạm 2 - Cái Nước	26.ĐK.0523	8/7	Tủ mát
49		3	Lê Thành Dũng, đường Cách Mạng Tháng 8, ấp 1, xã Cái Nước (giữa mạng)	26.ĐK.0524	8/7	Tủ mát

00010
CÔNG
CỐ PH
ÁP N
CÀ M
HÀNH

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
50	CN/07.2026	4	Nguyễn Thị Tánh, đường Nguyễn Văn Trỗi, xã Cái Nước (cuối mạng)	26.ĐK.0525	8/7	Tủ mát
51	ĐD/07.2026	1	Đầu mạng Trạm 1 - Đầm Dơi	26.ĐK.0526	13/7	Tủ mát
52		2	Đầu mạng Trạm 2 - Đầm Dơi	26.ĐK.0527	13/7	Tủ mát
53		3	Đầu mạng Trạm 3 - Đầm Dơi	26.ĐK.0528	13/7	Tủ mát
54		4	Phạm Mỹ Ngân, đường Dương Thị Cẩm Vân, xã Đầm Dơi (giữa mạng)	26.ĐK.0529	13/7	Tủ mát
55		5	Trần Văn Hòa, đường Lưu Tấn Thành, xã Đầm Dơi (cuối mạng)	26.ĐK.0530	13/7	Tủ mát
56	KA/07.2026	1	Đầu mạng Trạm U Minh	26.ĐK.0531	13/7	Tủ mát
57		2	Đầu mạng Trạm Khánh An	26.ĐK.0532	13/7	Tủ mát
58		3	Đầu mạng Trạm Khánh Hội	26.ĐK.0533	13/7	Tủ mát
59		4	Nguyễn Hằng Ni, số 33, đường số 1, ấp 1, khu TĐC, xã Khánh An (giữa mạng)	26.ĐK.0534	13/7	Tủ mát
60		5	Nguyễn Văn Lê, T23, ấp 15, khu TĐC, xã Khánh An (cuối mạng)	26.ĐK.0535	13/7	Tủ mát
61		6	Lê Minh Khôi, ấp 1, xã Nguyễn Phích (giữa mạng)	26.ĐK.0536	13/7	Tủ mát
62		7	Nguyễn Văn Thăng, ấp 2, xã Nguyễn Phích (cuối mạng)	26.ĐK.0537	13/7	Tủ mát
63		8	Nguyễn Thị Mai, ấp 3, xã Khánh Lâm (giữa mạng)	26.ĐK.0538	13/7	Tủ mát
64		9	Lý Hồng Mận, ấp 3, xã Khánh Lâm (cuối mạng)	26.ĐK.0539	13/7	Tủ mát
65	PNH/07.2026	1	Đầu mạng Trạm 2 - Phan Ngọc Hiển	26.ĐK.0540	14/7	Tủ mát
66		2	Đầu mạng Trạm 3 - Phan Ngọc Hiển	26.ĐK.0541	14/7	Tủ mát
67		3	Đầu mạng Trạm 4 - Phan Ngọc Hiển	26.ĐK.0542	14/7	Tủ mát
68		4	Trần Thanh Liêm, ấp 1, xã Phan Ngọc Hiển (giữa mạng)	26.ĐK.0543	14/7	Tủ mát
69		5	Phạm Hồ Phi, ấp 8, xã Phan Ngọc Hiển (cuối mạng)	26.ĐK.0544	14/7	Tủ mát
70	TB/07.2026	1	Đầu mạng Trạm 1 - Thới Bình	26.ĐK.0545	14/7	Tủ mát
71		2	Đầu mạng Trạm 2 - Thới Bình	26.ĐK.0546	14/7	Tủ mát
72		3	Đầu mạng Trạm khóm 4 - Thới Bình	26.ĐK.0547	14/7	Tủ mát
73		4	Đầu mạng Trạm Trí Phải	26.ĐK.0548	14/7	Tủ mát
74		5	Trịnh Văn Thuận, ấp 14, xã Thới Bình (cuối mạng)	26.ĐK.0549	14/7	Tủ mát
75		6	Hồ Thu Hận, đường Lê Duẩn, ấp Thới Bình, xã Thới Bình (giữa mạng)	26.ĐK.0550	14/7	Tủ mát

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
76	TB/07.2026	7	Lê Văn Đáo, ấp 1, xã Trí Phải (giữa mạng)	26.ĐK.0551	14/7	Tủ mát
77		8	Nguyễn Văn Việt, ấp 1, xã Trí Phải (cuối mạng)	26.ĐK.0552	14/7	Tủ mát
78	ĐD.QP/07.2026	1	Đầu mạng Trạm Quách Phẩm - Đầm Dơi	26.ĐK.0553	14/7	Tủ mát
79		2	Phạm Thị Thương, ấp Xóm Dừa, xã Quách Phẩm (cuối mạng)	26.ĐK.0554	14/7	Tủ mát
80	CĐV.VT/07.2026	1	Đầu mạng Trạm Việt Thắng - xã Nguyễn Việt Khái	26.ĐK.0555	14/7	Tủ mát
81		2	Phạm Văn Khởi, ấp Hiệp Thành, xã Nguyễn Việt Khái (cuối mạng)	26.ĐK.0556	14/7	Tủ mát

Cà Mau, ngày 15 tháng 7 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Ngọc Hiền

P. TRƯỞNG PHÒNG



Trương Thị Kim Loan





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
 Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 7/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số	XNCN CÀ MAU 1							Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0476	26.ĐK.0477	26.ĐK.0478	26.ĐK.0479	26.ĐK.0480	26.ĐK.0481	26.ĐK.0482	
		1	2	3	4	5	6	7	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	8	8	7	7	7	8	Đạt
2	Mùi vị (Không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0,41	0,44	0,42	0,48	0,42	0,58	0,44	Đạt
4	Clo dư (*) (0,2 - 1,0 mg/l)	0,78	0,77	0,77	0,79	0,83	0,84	0,68	Đạt
5	pH (*) (6,0 - 8,5)	7,88	7,91	7,91	7,90	7,89	7,88	7,91	Đạt
6	Amoni (NH ₃ -N) (*) (≤ 1 mg/l)	0,18	0,21	0,19	0,24	0,22	0,16	0,22	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	0,9	0,7	0,6	0,6	0,8	0,7	0,9	Đạt
8	H.lượng Arsenic (≤ 0,01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

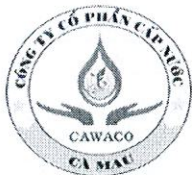
NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 20 tháng 7 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 7/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số	XNCN CÀ MAU 1						Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0483	26.ĐK.0484	26.ĐK.0485	26.ĐK.0486	26.ĐK.0487	26.ĐK.0488	
		8	9	10	11	12	13	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	8	8	9	9	10	Đạt
2	Mùi vị (Không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0,41	0,49	0,44	0,52	0,46	0,45	Đạt
4	Clo dư (*) (0,2 - 1,0 mg/l)	0,73	0,75	0,42	0,39	0,46	0,51	Đạt
5	pH (*) (6,0 - 8,5)	7,91	7,93	7,89	7,91	7,91	7,93	Đạt
6	Amoni (NH ₃ -N) (*) (≤ 1 mg/l)	0,19	0,12	0,14	0,11	0,18	0,19	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	0,7	0,9	0,6	0,9	0,8	0,7	Đạt
8	H.lượng Arsenic (≤ 0,01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 20 tháng 7 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 7/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số	XNCN CÀ MAU 2							Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0489	26.ĐK.0490	26.ĐK.0491	26.ĐK.0492	26.ĐK.0493	26.ĐK.0494	26.ĐK.0495	
		1	2	3	4	5	6	7	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	8	8	7	7	8	7	Đạt
2	Mùi vị (Không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0,43	0,44	0,44	0,47	0,42	0,46	0,42	Đạt
4	Clo dư (*) (0,2 - 1,0 mg/l)	0,74	0,79	0,78	0,77	0,71	0,82	0,71	Đạt
5	pH (*) (6,0 - 8,5)	7,93	7,88	7,89	7,87	7,91	7,92	7,92	Đạt
6	Amoni (NH ₃ -N) (*) (≤ 1 mg/l)	0,26	0,24	0,21	0,26	0,25	0,24	0,2	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	0,8	1.0	0,7	1.1	1.1	0,9	1.2	Đạt
8	H.lượng Arsenic ($\leq 0,01$ mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 20 tháng 7 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 7/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số	XNCN CÀ MAU 2							Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0496	26.ĐK.0497	26.ĐK.0498	26.ĐK.0499	26.ĐK.0500	26.ĐK.0501	26.ĐK.0502	
		8	9	10	11	12	13	14	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	7	8	9	9	8	9	Đạt
2	Mùi vị (Không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0,48	0,46	0,45	0,53	0,46	0,49	0,51	Đạt
4	Clo dư (*) (0,2 - 1,0 mg/l)	0,75	0,81	0,74	0,5	0,49	0,51	0,36	Đạt
5	pH (*) (6,0 - 8,5)	7,91	7,92	7,93	7,89	7,92	7,93	7,93	Đạt
6	Amoni (NH ₃ -N) (*) (≤ 1 mg/l)	0,23	0,17	0,25	0,17	0,19	0,21	0,14	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	0,9	1.1	1.1	0,9	1.2	0,9	0,8	Đạt
8	H.lượng Arsenic ($\leq 0,01$ mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 20 tháng 7 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 7/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN NĂM CĂN				CNCN CÁI ĐÔI VÀM				Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0503	26.ĐK.0504	26.ĐK.0505	26.ĐK.0506	26.ĐK.0507	26.ĐK.0508	26.ĐK.0509	26.ĐK.0510	
		1	2	3	4	1	2	3	4	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	12	12	13	14	13	12	14	13	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	1,20	1,05	1,09	1,09	1,12	1,05	1,16	1,10	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0,83	0,73	0,53	0,40	0,82	0,72	0,55	0,32	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7,95	7,98	7,89	7,88	7,96	7,87	7,93	7,96	Đạt
6	Amoni (NH ₃ -N) (*) (≤ 1 mg/l)	0,27	0,25	0,28	0,29	0,26	0,23	0,28	0,27	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1,8	1,7	1,9	1,8	1,8	1,9	1,7	1,7	Đạt
8	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

QT.10-BM.06

Ban hành: 01/2026

Cà Mau, ngày 20 tháng 7 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan

Trang 1/1



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 7/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN TRẦN VĂN THỜI				CNCN CÁI NƯỚC				Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0518	26.ĐK.0519	26.ĐK.0520	26.ĐK.0521	26.ĐK.0522	26.ĐK.0523	26.ĐK.0524	26.ĐK.0525	
		1	2	3	4	1	2	3	4	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	7	8	8	7	8	8	9	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0,34	0,44	0,50	0,54	0,45	0,32	0,53	0,56	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0,71	0,73	0,43	0,37	0,77	0,78	0,37	0,30	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7,85	7,93	7,79	7,82	7,85	7,96	7,87	7,85	Đạt
6	Amoni (NH ₃ -N) (*) (≤ 1 mg/l)	0,21	0,19	0,19	0,22	0,26	0,21	0,23	0,24	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1,3	1,5	1,4	1,3	1,5	1,6	1,4	1,5	Đạt
8	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 20 tháng 7 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 7/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN SÔNG ĐỐC							Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0511	26.ĐK.0512	26.ĐK.0513	26.ĐK.0514	26.ĐK.0515	26.ĐK.0516	26.ĐK.0517	
		1	2	3	4	5	6	7	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	7	8	8	9	9	10	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0,44	0,41	0,63	0,54	0,57	0,63	0,58	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0,72	0,77	0,72	0,39	0,51	0,32	0,22	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7,98	7,87	7,96	7,88	7,94	7,86	7,92	Đạt
6	Amoni (NH ₃ -N) (*) (≤ 1 mg/l)	0,12	0,16	0,13	0,15	0,11	0,12	1,40	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	0,6	0,8	0,7	0,8	0,9	0,8	0,7	Đạt
8	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 20 tháng 7 năm 2026
P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 7/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN ĐÀM ĐOAI					CNCN ĐÀM ĐOAI. QP		Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0526	26.ĐK.0527	26.ĐK.0528	26.ĐK.0529	26.ĐK.0530	26.ĐK.0553	26.ĐK.0554	
		1	2	3	4	5	1	2	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	7	8	9	8	9	8	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0,55	0,59	0,55	0,65	0,68	0,68	0,70	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0,74	0,75	0,80	0,72	0,44	0,73	0,37	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7,84	7,96	7,87	7,91	7,84	7,91	7,83	Đạt
6	Amoni (NH ₃ -N) (*) (≤ 1 mg/l)	0,19	0,21	0,18	0,17	0,20	0,17	0,22	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1,10	1,20	1,00	0,90	1,20	1,3	1,2	Đạt
8	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 20 tháng 7 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
 Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 7/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN KHÁNH AN									Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0531	26.ĐK.0532	26.ĐK.0533	26.ĐK.0534	26.ĐK.0535	26.ĐK.0536	26.ĐK.0537	26.ĐK.0538	26.ĐK.0539	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	7	7	9	9	10	8	10	9	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2NTU)	0,43	0,49	0,56	0,64	0,61	0,61	0,59	0,62	0,58	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0,71	0,72	0,79	0,47	0,36	0,48	0,30	0,45	0,37	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	8,01	7,96	7,89	7,93	7,78	7,95	7,77	7,92	7,84	Đạt
6	Amoni (NH ₃ -N) (*) (≤ 1 mg/l)	0,15	0,19	0,17	0,21	0,16	0,18	0,19	0,22	0,21	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1,0	1,1	0,9	1,1	1,2	1,4	1,3	1,2	1,3	Đạt
8	H.lượng Arsenic (≤ 0.01mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 20 tháng 7 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
 Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 7/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN NGỌC HIỀN					CNCN CÁI ĐÔI VÀM. VT		Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0540	26.ĐK.0541	26.ĐK.0542	26.ĐK.0543	26.ĐK.0544	26.ĐK.0555	26.ĐK.0556	
		1	2	3	4	5	1	2	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	7	8	8	9	8	8	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2NTU)	0,45	0,48	0,54	0,52	0,62	0,49	0,57	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0,78	0,81	0,70	0,34	0,39	0,68	0,28	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7,85	7,96	7,81	7,76	7,92	7,94	7,91	Đạt
6	Amoni (NH ₃ -N) (*) (≤ 1 mg/l)	0,21	0,19	0,17	0,18	0,16	0,21	0,19	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1,1	1,2	1,3	1,2	1,2	1,2	1,1	Đạt
8	H.lượng Arsenic (≤ 0.01mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 20 tháng 7 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 7/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN THỐI BÌNH								Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0545	26.ĐK.0546	26.ĐK.0547	26.ĐK.0548	26.ĐK.0549	26.ĐK.0550	26.ĐK.0551	26.ĐK.0552	
		1	2	3	4	5	6	7	8	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	7	8	8	9	8	8	8	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0,45	0,48	0,54	0,52	0,62	0,57	0,49	0,57	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0,78	0,81	0,70	0,34	0,39	0,33	0,68	0,28	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7,85	7,96	7,81	7,76	7,92	7,88	7,94	7,91	Đạt
6	Amoni (NH ₃ -N) (*) (≤ 1 mg/l)	0,21	0,19	0,17	0,18	0,16	0,22	0,21	0,19	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1,1	1,2	1,3	1,2	1,2	1,3	1,2	1,1	Đạt
8	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 20 tháng 7 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan